

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XÍN MÀN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày 15/12/2020
V/v Không công nhận quan hệ vợ
chồng, tranh chấp nuôi con chung.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XÍN MÀN, TỈNH HÀ GIANG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Lù Mìn Sáng

Ông: Tải Sào Tin

- Thư ký phiên tòa: Bà Long Thị Hiên, Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Xín Màn tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xín Màn tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xín Màn tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Tải Sao T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Xín Màn, tỉnh Hà Giang. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Chị Ly Thị B, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện Xín Màn, tỉnh Hà Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 4 năm 2020, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Tải Sao T trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1994 gia đình anh Tải Sao T và gia đình chị Ly Thị B tổ chức đưa chị Ly Thị B về nhà làm vợ anh Tải Sao T. Hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Lúc đó anh Tiến mới có 08 tuổi, chị Bá 15 tuổi. Khi hai bên đủ điều kiện đi đăng ký kết hôn nhưng không đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã có thẩm quyền. Năm 2011 khi anh T đang học lớp tại chức ở Hà Giang, chị B nghi ngờ anh Tiến có tình cảm với người phụ nữ

khác, có nhiều lời nói chửi bới, xúc phạm danh dự nhân phẩm của anh T dẫn đến mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Tháng 5 năm 2015 chị B bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn V, xã T, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang sống ly thân với anh T cho đến bây giờ. Anh T nhận thấy việc chung sống với chị B không còn hạnh phúc, vì vậy anh T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Xín Mần giải quyết cho anh T được ly hôn với chị B.

Về con riêng: Không có.

Về con chung: Anh T và chị B có hai con chung là Tải Thị L, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2008 và Tải Thị L1, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2011. Anh T nhận nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tải Thị ê đến tuổi trưởng thành. Chị Ly Thị B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tải Thị L1 đến tuổi trưởng thành. Anh T không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng và các khoản nợ: Anh T tự thỏa thuận với chị B, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 7 năm 2020, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án bị đơn chị Ly Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Chị B và anh T về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 không đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã có thẩm quyền. Năm 2011 anh T đi học tại chức tại tỉnh Hà Giang có quan hệ tình cảm với chị Hoàng Thị M ở thôn N, xã T, huyện Xín Mần. Anh Tiến nhiều lần hứa sẽ chấm dứt mối quan hệ với chị M, nhưng sau đó không thực hiện được dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, xúc phạm danh dự của nhau, không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Không chịu đựng được anh T, tháng 05 năm 2015, chị B đã bỏ đi nhà bố mẹ đẻ ở thôn V, xã T, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang ở và sống ly thân với anh T cho đến bây giờ. Nay anh Tải Sao T có đơn xin ly hôn, chị B đồng ý ly hôn với anh Tải Seo T.

Về con riêng: Không có.

Về con chung: Chị B và anh Tiến có hai con chung Tải Thị L, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2008 và Tải Thị L1, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2011. Chị B đồng ý nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Tải Thị L1 đến tuổi trưởng thành. Chị B đồng ý cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Tải Thị L đến tuổi trưởng thành. Chị B không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị B.

Về tài sản chung, tài sản riêng và các khoản nợ: Chị B tự thỏa thuận với anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và tại phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân huyện Xín Mần đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 1 Điều 16, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử không công nhận chị Ly Thị B và anh Tải Sao T là vợ chồng.

Về con chung: Anh Tải Sao T và chị Ly Thị B có hai con chung Tải Thị L, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2008 và Tải Thị L1, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2011. Hai bên thỏa thuận giao cho anh Tải Sao T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tải Thị L đến tuổi trưởng thành; chị Ly Thị B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tải Thị L1 đến tuổi trưởng thành. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét giải quyết tại phiên tòa.

Về án phí: Anh T được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn anh Tải Sao T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Anh Tải Sao T và chị Ly Thị B không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình xác định đây là vụ án “*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung*”, Tòa án nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của bị đơn:* Bị đơn chị Ly Thị B có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Ly Thị B là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] *Về thẩm quyền:* Bị đơn trú tại xã T, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang. Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang.

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Tải Sao T và chị Ly Thị B kết hôn với nhau từ năm 1994, khi đó anh T mới có 08 tuổi, chị B 15 tuổi là vi phạm về độ tuổi kết hôn theo Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Từ năm 2006 trở đi anh T, chị B đủ tuổi kết hôn theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000,

nhưng không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nay có yêu cầu ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án nhân dân huyện Xín Mần thụ lý nhưng xác định việc chung sống giữa anh T và chị B là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tòa án giải quyết và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng là đúng với khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] *Về con chung*: Anh Tải Sao T và chị Ly Thị B có hai con chung là cháu Tải Thị L, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2008 và cháu Tải Thị L1, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2011. Hai bên thỏa thuận giao cho anh Tải Sao T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tải Thị L đến tuổi trưởng thành; chị Ly Thị B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tải Thị L1 đến tuổi trưởng thành. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Tại đơn đề nghị ngày 17/7/2020 cháu Tải Thị L đề nghị được ở với bố vì bố quan tâm và chăm sóc cháu tốt hơn mẹ. Tại đơn đề nghị ngày 28/7/2020 cháu Tải Thị L1 đề nghị được ở với mẹ vì mẹ quan tâm và chăm sóc cháu tốt hơn bố. Hội đồng xét xử nhận thấy việc giáo dục cháu L cho anh T, giao cháu L1 cho chị B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành là hợp với nguyện vọng của các cháu và có căn cứ cần được chấp nhận.

[6] *Về quan hệ tài sản*: Các đương sự tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[7] *Về án phí*: Nguyên đơn anh Tải Sao T có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm. Anh T sống ở vùng đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Anh T là người dân tộc Nùng theo Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ là đồng bào dân tộc thiểu số. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Tải Sao T được miễn toàn bộ án phí, lệ phí Tòa án.

[8] *Về quyền kháng cáo đối với bản án*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Tải Sao T và chị Ly Thị B.

2. *Về con chung:* Giao cháu Tải Thị L sinh ngày 23 tháng 7 năm 2008 cho anh Tải Sao T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Giao cháu Tải Thị L1, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2011 cho chị Ly Thị B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. *Về quan hệ tài sản:* Các đương sự tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

4. *Về án phí:* Anh Tải Sao T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn anh Tải Sao T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị Ly Thị B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND h. Xín Mần;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Xín Mần;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Bình